

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH THỦY
TỈNH PHÚ THỌ**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Bản án số: 02/2018/HNGĐ-ST

Ngày 23-01-2018

V/v Tranh chấp Hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH THỦY, TỈNH PHÚ THỌ

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Viết Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đoàn Hồng Canh

Ông Nguyễn Tiến Hải

Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

Trong ngày 23 tháng 01 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 82/2017/TLST- HNGĐ ngày 28/7/2017 về việc “Hôn nhân và gia đình”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2018/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2018. Giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Vũ Văn Minh S**, sinh năm 1989 (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Khu 4 xã X, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Chị **Vũ Thị H**, sinh năm 1991 (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Nơi ĐKKHKT: Khu 4 xã X, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Tạm trú: Khu 2 xã X, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình hoà giải tại Tòa án anh Vũ Văn Minh S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh kết hôn với chị H ngày 17 tháng 12 năm 2013. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện T, tỉnh Phú

Thọ.

Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị sống chung với gia đình nhà chồng. Đến tháng 4 năm 2017 thì vợ chồng có những mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chính là do vợ chồng không thống nhất với nhau cách làm ăn, không đồng nhất quan điểm trong cuộc sống, chị H bỏ mặc anh lúc anh ốm đau, bệnh tật, không chăm sóc anh.

Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống nên đề nghị được ly hôn chị H.

Về con chung: Anh chị có một con chung là cháu Vũ Hạnh D, sinh ngày 28/5/2015. Hiện cháu D đang ở với chị H. Anh S có nguyện vọng được nuôi con chung. Nếu chị H được nuôi con chung, anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh và chị H tự nguyện thoả thuận trước khi toà án hoà giải, đề nghị Toà án ghi nhận sự thoả thuận theo văn bản tự phân chia tài sản ngày 28/7/2017, cụ thể như sau:

Anh S tự trực tiếp sử dụng: Thửa đất số 770; tờ bản đồ số 32; diện tích 190,6m², tại khu 5, xã X, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BY 942322 do UBND huyện T cấp ngày 14/5/2015.

Anh S có trách nhiệm thanh toán tiền chênh lệch về tài sản cho chị H là 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng). Anh S đã thanh toán xong cho chị H số tiền trên, chị H đã nhận đủ số tiền.

Về nợ chung, cho vay, công sức đóng góp: Anh S, chị H tự thoả thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Trong bản tự khai và trong quá trình hoà giải bị đơn là chị Vũ Thị Hà trình bày:

Về thủ tục kết hôn như anh S trình bày là đúng. Anh S nói chị không chăm sóc anh lúc ốm đau là không đúng vì anh S chỉ bị đau dạ dày, chưa đến mức phải nằm một chỗ cần người chăm sóc. Nếu anh S ốm nặng, chị sẽ tự về chăm sóc, nay anh S tự đề nghị ly hôn chị đồng ý.

Về con chung: Anh chị có một con chung là cháu Vũ Hạnh D, sinh ngày 28/5/2015. Hiện cháu D đang ở với chị, sau khi ly hôn chị H đề nghị được nuôi con chung và yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ/ tháng.

Về tài sản chung: Chị H xác định hai bên đã thoả thuận đề nghị toà án ghi nhận như anh S trình bày là đúng đề nghị toà án công nhận.

Về nợ chung, cho vay, công sức đóng góp: Anh chị tự thoả thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các đương sự cung cấp và được thẩm tra tại phiên tòa hôm nay. Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

Anh Vũ Văn Minh S, Chị Vũ Thị H do điều kiện bận công việc, đi lại không được thuận tiện nên cả hai bên đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

2. Về nội dung vụ án:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh S chị H kết hôn với nhau năm 2013, đăng ký kết hôn tại UBND xã X , huyện T, tỉnh Phú Thọ đúng quy định pháp luật, đây là một hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết tình cảm vợ chồng bước đầu hòa thuận, sau phát sinh những mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau trong cuộc sống và trong công việc. Mâu thuẫn càng trở nên trầm trọng, khi chị H về nhà mẹ đẻ sinh sống, hai bên đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Anh S xác định tình cảm vợ chồng không còn xin được ly hôn chị H, chị H cũng nhất trí. Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng anh S, chị H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy cần xử cho anh S được ly hôn chị H tránh ràng buộc không cần thiết.

[2] Về con chung: Anh S chị H có một con chung là cháu Vũ Hạnh D, sinh ngày 28/5/2015. Hiện cháu D đang ở với chị H. Sau khi ly hôn cả hai anh chị đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Nhưng cháu D còn nhỏ, chưa đủ 36 tháng tuổi, rất cần sự quan tâm chăm sóc của người mẹ, nên HĐXX thấy cần giao cháu Dung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp. Anh S phải cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật, do không có căn cứ tính thu nhập của anh S, vì vậy HĐXX buộc anh S phải cấp dưỡng cho cháu Dung bằng một phần hai mức lương cơ sở của Nhà nước quy định là 650.000đ/1 tháng, định kỳ hàng tháng, kể từ khi toà án xét xử cho tới khi cháu D thành niên. Việc chị H đề nghị mức cấp dưỡng 2.000.000đ/ tháng là không có căn cứ, vì vậy HĐXX không chấp nhận.

[3] Về tài sản chung : Anh S và chị H tự nguyện thoả thuận trước khi tòa án hoà giải, đề nghị Tòa án ghi nhận sự thoả thuận theo văn bản tự phân chia tài sản ngày 28/7/2017, cụ thể như sau:

Anh S trực tiếp sử dụng: Thửa đất số 770; tờ bản đồ số 32; diện tích 190,6m², tại khu 5, xã X, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Giấy CNQSD đất số BY 942322 do UBND huyện T, tỉnh Phú Thọ cấp ngày 14/5/2015.

Anh S có trách nhiệm thanh toán tiền chênh lệch về tài sản cho chị H là 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng). Anh S đã thanh toán xong số tiền trên, chị H đã nhận đủ số tiền. Do đó HĐXX sẽ công nhận sự thoả thuận này.

Về nợ chung, cho vay, công sức đóng góp: Anh chị tự thoả thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết, nên toà án không đặt ra giải quyết.

[4] Về án phí: Anh S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 4, Điều 147; Khoản 1 Điều 228; Điều 238; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, Điểm a, d, Khoản 5; điểm đ, Khoản 6 Điều 27; Điều Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Áp dụng: Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Khoản 1 Điều 59; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Vũ Văn Minh S được ly hôn chị Vũ Thị H.

2. Về con chung: Giao cháu Vũ Hạnh D, sinh ngày 28/5/2015 cho chị Vũ Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu D thành niên. Anh S phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H định kỳ hàng tháng, mỗi tháng 650.000đ (Sáu trăm năm mươi nghìn đồng), kể từ tháng 01/2018 cho tới khi cháu D thành niên. Hai bên đều có quyền, nghĩa vụ nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, Chị Vũ Thị H có đơn đề nghị Thi hành án, anh Vũ Văn Minh S chậm trả tiền thì còn phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất chậm trả được xác định theo thoả thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; nếu không có thoả thuận thì áp dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về tài sản chung: Xử công nhận sự tự nguyện thoả thuận phân chia tài sản trước khi toà án hoà giải, theo văn bản tự phân chia tài sản ngày 28/7/2017 giữa anh Vũ Văn Minh S và chị Vũ Thị H, cụ thể như sau:

Anh Vũ Văn Minh S trực tiếp sử dụng: Thửa đất số 770; tờ bản đồ số 32; diện tích 190,6m², tại khu 5, xã X, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Theo giấy CNQSD đất số BY 942322 do UBND huyện T, tỉnh Phú Thọ cấp ngày 14/5/2015, cấp cho anh S và chị H.

Anh S có trách nhiệm thanh toán tiền chênh lệch về tài sản cho chị Vũ Thị H số tiền là 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng). Anh S đã thanh toán xong số tiền trên, chị H đã nhận đủ số tiền.

4. Công nợ chung, cho vay, công sức đóng góp: Anh S và chị H tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Vũ Văn Minh S phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con. Xác nhận anh S đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí số AA/2015/002897 ngày 28/7/2017 của Chi cục Thi hành án huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ, được chuyển thành án phí. Anh S còn phải nộp số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Tr- ờng hợp bản án đ- ợc thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì ng- ời đ- ợc thi hành án dân sự, ng- ời phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị c- ỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án đ- ợc thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND xã X, huyện T, tỉnh Phú Thọ, lên TAND tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- THADS huyện;
- UBND xã X;
- Các đ- ơng sự;
- L- u VT, HSVA.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lương Viết Tú